TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LẠNG SƠN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày 06 – 02 - 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN – TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Huyền.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trịnh Tuấn Sỹ
Bà Đặng Thị Lan Anh
- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 01/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Quang M, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp 1, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 1**, đường M, khối 9, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/8/2022, bản tự khai nguyên đơn anh Vũ Quang M trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị T được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương ngày 20/5/2005. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng anh chung sống với gia đình nhà vợ tại khối 9, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Đến giữa năm 2007 thì vợ chồng anh bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau vì bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày, không có tiếng nói chung, anh Vũ Quang M quay trở về tỉnh Bình Dương sinh sống và làm việc, anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị Nguyễn

Thị T, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T. Về con chung, anh và chị Nguyễn Thị T có 01 con chung là cháu Vũ Xuân T, sinh ngày 15/01/2006. Khi ly hôn, anh Vũ Quang M yêu cầu chị Nguyễn Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Vũ Xuân T cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Vũ Quang M không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung đều không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, anh Vũ Quang M có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải và đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai đề ngày 10/01/2023, chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Vũ Quang M được tự do tìm hiểu, tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T (nay là B), tỉnh Bình Dương ngày 20/5/2005. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên hai người sống ly thân từ năm 2007, anh Vũ Quang M sinh sống tại tỉnh Bình Dương, chị Nguyễn Thị T sinh sống tại nhà ngoại địa chỉ: Số 1**, đường M, khối 9, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn đến nay. Nay anh Vũ Quang M yêu cầu ly hôn, chị đồng ý. Về con chung: Chị và anh Vũ Quang M có 01 con chung là cháu Vũ Xuân T, sinh ngày 15/01/2006. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị T nhất trí sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Vũ Xuân T cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh Vũ Quang M cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung đều không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết, chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt đề ngày 03/2/2023.

Tại bản tự khai đề ngày 11/01/2023 của cháu Vũ Xuân T, cháu trình bày nguyện vọng muốn ở với mẹ là chị Nguyễn Thị T vì từ nhỏ cho đến nay đều ở với mẹ, bố cháu là anh Vũ Quang M không quan tâm, chu cấp gì cho hai mẹ con.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thành phần tham gia xét xử tại phiên tòa đúng với thành phần Hội đồng xét xử được ghi trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như xác định đúng thẩm quyền, đúng tư cách các đương sự, cấp tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nguyên đơn và bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cùng tài liệu chứng cứ được công khai tại phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Vũ Quang M được ly hôn với chị Nguyễn Thị T là có căn cứ; về con chung: Anh Vũ Quang M và chị Nguyễn Thị T có 01 con chung là Vũ Xuân T, sinh ngày 15/01/2006. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Vũ Xuân T cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Vũ Quang M không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị T không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết; về án phí:

Anh Vũ Quang M là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngày 30/12/2022, anh Vũ Quang M gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn giải quyết vụ án hôn nhân gia đình giữa anh và chị Nguyễn Thị T. Bị đơn chị Nguyễn Thị T có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn.

[2] Về việc vắng mặt của nguyên đơn anh Vũ Quang M và bị đơn chị Nguyễn Thị T: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành các trình tự giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh Vũ Quang M và chị Nguyễn Thị T đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Vũ Quang M và chị Nguyễn Thị T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Quang M và chị Nguyễn Thị T kết hôn và chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, ngày 20/5/2005 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T (nay là B), tỉnh Bình Dương. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Vũ Quang M và chị Nguyễn Thị T là hợp pháp. Sau khi về chung sống, hai bên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Từ năm 2007 đến nay, chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Quang M sống ly thân, anh Vũ Quang M, anh chị không còn liên lạc, quan tâm đến nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án, anh Vũ Quang M và chị Nguyễn Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, thực tế hai bên đã không còn chung sống, không quan tâm và yêu thương nhau, không thể khắc phục đoàn tụ và đều có nguyện vọng đề nghị Tòa án giải quyết cho hai bên được ly hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của anh Vũ Quang M và chị Nguyễn Thị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Quang M là có căn cứ, cần chấp nhận, do đó cần xử cho anh Vũ Quang M ly hôn với chị Nguyễn Thị T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh Vũ Quang M và chị Nguyễn Thị T có 01 con chung là Vũ Xuân T, sinh ngày 15/01/2006. Hiện nay, cháu Vũ Xuân T đang sống tại thành phố Lạng Sơn cùng với mẹ là chị Nguyễn Thị T. Hội đồng xét xử xem xét ý kiến của các đương sự, nguyện vọng của con chung, xét thấy từ khi chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Quang M sống ly thân đến nay, chị Nguyễn Thị T là

người trực tiếp trông nom, chăm sóc cháu Vũ Xuân T. Do đó, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt cho con, cần giao cháu Vũ Xuân T cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hoàn toàn phù hợp. Anh Vũ Quang M không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị T không yêu cầu. Anh Vũ Quang M có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, nguyên đơn anh Vũ Quang M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 238 Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Quang M ly hôn với chị Nguyễn Thị T. *(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 20, ngày 20/5/2005 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương).*

2. Về con chung: Anh Vũ Quang M và chị Nguyễn Thị T có 01 (một) con chung là Vũ Xuân T, sinh ngày 15/01/2006.

Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vũ Xuân T cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Vũ Quang M không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn Thị T không yêu cầu.

Anh Vũ Quang M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Vũ Quang M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung Ngân sách Nhà nước. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh Vũ Quang M đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001169 ngày 30/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Vũ Quang M, bị đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND thành phố Lạng Sơn;
- Chi cục THADS thành phố Lạng Sơn;
- Đương sự;
- UBND xã L, h. B, T. Bình Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Huyền